

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
1	Đào Tuấn	Anh	TD	A	6	6	6	6	6	6	8	6.19	TB.khá	QD467-200
2	Nguyễn Ngọc	Châu	TD	A	8	8	8	7	9	8	6	7.81	Khá	
3	Phạm Văn	Đạt	TD	A	8	8	8	9	8	6	7	7.71	Khá	
4	Phạm Thanh	Đồng	TD	A	7	8	7	8	7	8	7	7.48	Khá	CTB-08
5	Trần Việt	Đức	TD	A	8	8	8	7	8	5	7	7.38	Khá	CTB-08
6	Lê Quốc	Dũng	TD	A	6	7	5	7	7	7	6	6.48	TB.khá	
7	Nguyễn Xuân	Minh	TD	A	7	8	7	7	8	5	6	6.95	TB.khá	
8	Lương Đình	Nguyên	TD	A	7	8	7	5	8	7	6	7.05	Khá	
9	Đặng Quốc	Quyết	TD	A	7	8	6	7	8	8	7	7.38	Khá	
10	Hoàng Quốc	Sơn	TD	A	8	8	8	7	8	8	7	7.81	Khá	
11	Nguyễn Văn	Thắng	TD	A	6	8	8	7	8	5	6	6.81	TB.khá	CTB
12	Đỗ Trung	Thắng	TD	A	7	9	7	8	8	5	7	7.38	Khá	
13	Nguyễn Hùng	Thi	TD	A	6	8	7	7	7	6	7	6.86	TB.khá	
14	Nguyễn Văn	Thường	TD	A	6	8	8	7	8	6	6	6.95	TB.khá	CBB
15	Trần Thị	Toàn	TD	A	7	9	7	8	8	6	6	7.43	Khá	CTB
16	Bùi Đăng	Toản	TD	A	9	9	8	9	8	9	6	8.52	Giỏi	
17	Hà Thị Thuỳ	Trang	TD	A	8	8	7	7	5	7	6	7.19	Khá	
18	Nguyễn Anh	Tuấn	TD	A	8	8	7	8	9	9	6	7.95	Khá	
19	Lê Tuấn	Anh	ĐK	A	7	10	9	6	7	6	5	7.48	Khá	QD467-200
20	Phan Văn Đạo	Đức	ĐK	A	6	10	9	7	7	5	5	7.19	Khá	QD467-200
21	Nguyễn Duy	KhánhA	ĐK	A	7	8	6	8	7	5	8	7.05	Khá	QD467-200
22	Nguyễn Tuấn	Thành	ĐK	A	7	7	7	7	7	6	5	6.67	TB.khá	QD467-200
23	Lê Văn	Ánh	ĐK	A	5	9	8	7	8	7	5	7.00	Khá	

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
24	Cao Thị	Châu	ĐK	A	9	10	8	8	7	6	7	8.24	Giỏi	
25	Lê Văn	Chiến	ĐK	A	7	9	5	6	7	6	6	6.95	TB.khá	
26	Nguyễn Văn	Đào	ĐK	A	8	9	8	7	9	8	7	8.14	Giỏi	
27	Nguyễn Kim	Đông	ĐK	A	5	9	7	6	6	6	6	6.57	TB.khá	
28	Phạm Thị	Hà	ĐK	A	9	7	6	7	7	8	7	7.52	Khá	CBB
29	Nguyễn Xuân	Hà	ĐK	A	7	9	7	7	7	7	7	7.48	Khá	
30	Đậu Thị Ngọc	Hà	ĐK	A	10	8	6	7	8	8	8	8.19	Giỏi	
31	Phạm Quang	Hải	ĐK	A	6	8	5	6	8	5	6	6.43	TB.khá	
32	Nguyễn Tiến	Hảo	ĐK	A	7	10	9	6	9	9	7	8.29	Giỏi	
33	Lê Trung	Hiếu	ĐK	A	6	9	7	6	8	5	7	6.95	TB.khá	DT-VC
34	Đặng	Hổ	ĐK	A	7	6	7	7	9	6	7	6.81	TB.khá	
35	Nguyễn Thị Như	Hoa	ĐK	A	7	10	9	7	7	7	6	7.81	Khá	CBB
36	Trần Huy	Hoàng	ĐK	A	7	7	5	5	8	7	6	6.62	TB.khá	
37	Huỳnh Thị	Hồng	ĐK	A	9	10	9	7	9	9	7	8.86	Giỏi	
38	Hoàng Mạnh	Hùng	ĐK	A	5	10	8	6	7	8	6	7.29	Khá	
39	Nguyễn Duy	KhánhB	ĐK	A	7	9	8	6	8	6	7	7.43	Khá	
40	Lương Thị	Lênh	ĐK	A	5	10	5	6	6	5	5	6.38	TB.khá	
41	Đặng Hoàng	Phú	ĐK	A	10	8	6	6	9	9	7	8.24	Giỏi	
42	Lê Văn	Quang	ĐK	A	7	9	8	7	9	9	6	7.95	Khá	
43	Cù Huy	Anh	CL	B	8	8	5	6	7	9	7	7.48	Khá	
44	Lê Thị Kim	Anh	CL	B	8	8	6	6	8	7	7	7.38	Khá	
45	Lê Thị Quỳnh	Anh	CL	B	10	9	8	7	7	9	7	8.57	Giỏi	
46	Phạm Thị	Bình	CL	B	7	8	8	8	9	7	7	7.62	Khá	CTB
47	Dương Phước	Dũng	CL	B	7	7	6	6	8	5	6	6.52	TB.khá	
48	Nguyễn Thanh	Hải	CL	B	7	7	7	6	9	8	6	7.14	Khá	
49	Nguyễn Lê Minh	Huy	CL	B	7	8	8	5	7	6	6	6.90	TB.khá	

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
50	Nguyễn Văn	Nam	CL	B	7	8	6	7	8	8	7	7.38	Khá	CTB-16
51	Trần Ích	Nam	CL	B	7	5	7	5	7	5	6	5.95	Trung bình	LP
52	Đỗ Thị Thu	Ngân	CL	B	8	8	8	7	8	7	6	7.57	Khá	
53	Phạm Thái	Nguyên	CL	B	7	5	8	5	6	5	5	5.86	Trung bình	
54	Phan Thị Thanh	Nhàn	CL	B	6	7	7	6	7	6	6	6.43	TB.khá	
55	Ngô Thị Kim	Nở	CL	B	5	7	9	7	8	6	6	6.57	TB.khá	Tuy?n th?ng
56	Nguyễn Văn	Tân	CL	B	5	6	6	7	6	5	5	5.62	Trung bình	
57	Hoàng Đình	Thọ	CL	B	5	5	5	4	5	6	5	5.05	Trung bình	
58	Trần Thị Kim	Thoa	CL	B	7	8	7	6	7	7	6	7.05	Khá	LP
59	Trương Thị	Vân	CL	B	5	7	7	5	8	5	6	6.05	TB.khá	
60	Dương Công	Vĩnh	CL	B	6	8	7	6	8	7	6	6.90	TB.khá	
61	Cao Thị Lan	Phượng	CL	B	9	8	5	7	6	7	6	7.33	Khá	
62	Hoàng Thành	Chung	VÕ	B	5	5	6	7	8	5	8	5.86	Trung bình	QD138-4/3/
63	Lê Công	Anh	BN	C	6	9	7	6	7	8	6	7.19	Khá	
64	Lê Trung	Hiếu	BN	C	5	7	7	7	8	8	8	6.86	TB.khá	
65	Phan	Hoà	BN	C	5	5	6	6	8	5	5	5.48	Trung bình	
66	Nguyễn Minh	Hoàng	BN	C	8	5	6	6	6	6	6	6.24	TB.khá	
67	Bùi Hữu	Hùng	BN	C	7	6	7	6	8	5	6	6.38	TB.khá	
68	Nguyễn Cao	Kỳ	BN	C	5	6	7	6	8	5	5	5.81	Trung bình	
69	Thái Doãn	Minh	BN	C	7	6	7	6	7	5	5	6.19	TB.khá	
70	Nguyễn Ngọc	Mỹ	BN	C	5	7	6	6	8	5	5	5.95	Trung bình	
71	Nguyễn Trường	Nam	BN	C	7	7	7	7	9	6	6	6.95	TB.khá	LP
72	Nguyễn Trọng	Nhân	BN	C	7	7	8	5	8	8	6	7.05	Khá	LT
73	Lê Hữu	Phượng	BN	C	7	6	7	7	8	5	5	6.38	TB.khá	
74	Dương Hồng	Quân	BN	C	7	8	8	6	8	8	6	7.38	Khá	
75	Lê Công	Thắng	BN	C	7	5	6	6	7	7	7	6.33	TB.khá	

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
76	Dương Thanh	Tiến	BN	C	7	6	5	6	8	6	5	6.24	TB.khá	
77	Lê Đình	Toán	BN	C	6	9	6	6	7	6	5	6.71	TB.khá	
78	Bùi Văn	Tuấn	BN	C	5	9	8	8	5	5	7	6.71	TB.khá	
79	Đỗ Thị	Bông	ĐK	C	6	10	9	9	9	8	7	8.19	Giỏi	TL
80	Phan Lương	Huy	ĐK	C	8	9	8	5	6	7	8	7.62	Khá	591-18/09/0
81	Lê Đình	Hà	ĐK	C	6	10	8	8	8	8	5	7.71	Khá	
82	Trần Anh	Hoàng	ĐK	C	8	10	10	7	9	8	7	8.57	Giỏi	CTB
83	Nguyễn Văn	Lợi	ĐK	C	5	9	7	7	7	6	6	6.76	TB.khá	
84	Nguyễn Hoàng	Long	ĐK	C	5	5	5	5	7	6	6	5.43	Trung bình	
85	Hồ Hải	Lương	ĐK	C	8	9	6	7	8	5	6	7.33	Khá	
86	Đặng Hữu	Mân	ĐK	C	7	7	7	6	9	8	7	7.24	Khá	
87	Lê Hữu	Nho	ĐK	C	6	10	9	8	8	8	7	8.00	Giỏi	
88	Nguyễn Chí	Hùng	ĐK	C	8	9	8	7	7	8	8	8.05	Giỏi	CTB
89	Nguyễn Thị	Phương	ĐK	C	9	10	9	9	9	10	7	9.19	xuất sắc	CBB
90	Nguyễn Văn	Thạch	ĐK	C	7	8	7	6	8	6	7	7.10	Khá	CTB
91	Hồ Thị	Thắm	ĐK	C	8	10	8	9	8	10	7	8.76	Giỏi	
92	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	ĐK	C	6	9	7	7	7	7	6	7.14	Khá	Tuyển thẳng
93	Phan Thị Kim	Thông	ĐK	C	8	8	8	7	8	10	6	8.00	Giỏi	CBB
94	Nguyễn Thị Lệ	Thu	ĐK	C	8	9	8	7	8	9	7	8.19	Giỏi	
95	Châu Thị	Tiên	ĐK	C	9	10	9	8	8	9	7	8.86	Giỏi	Tuyển thẳng
96	Hà Đông	Tịnh	ĐK	C	7	8	5	6	9	7	7	7.14	Khá	LP, BDXN,
97	Phan Ngọc	Tuấn	ĐK	C	6	9	8	6	8	7	7	7.33	Khá	
98	Nguyễn Quang	Tuyến	ĐK	C	6	7	7	8	8	6	7	6.81	TB.khá	Tuyển
99	Bùi Quang	Vĩnh	ĐK	C	9	9	8	6	8	7	7	8.05	Giỏi	
100	Nguyễn Thị	Xuyên	ĐK	C	7	9	9	7	9	9	7	8.14	Giỏi	CDDC
101	Nguyễn Thị	Hoà	ĐK	C	9	9	9	7	8	7	7	8.24	Giỏi	TL

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
102	Hồ Văn	Lanh	ĐK	C	8	9	9	8	9	5	8	8.00	Giỏi	Trưởng 1
103	Đình Tiến	Linh	BĐ	D	5	8	6	6	7	5	8	6.38	TB.khá	591-18/09/0
104	Nguyễn Mạnh	Toàn	BĐ	D	7	8	7	6	7	5	5	6.67	TB.khá	591-18/09/0
105	Đình Văn	Anh	BĐ	D	5	7	6	5	7	7	5	6.05	TB.khá	Tuyển thẳng
106	Nguyễn Công	Danh	BĐ	D	7	8	7	7	8	7	6	7.24	Khá	
107	Trương Thanh	Đạt	BĐ	D	6	8	8	6	8	5	5	6.62	TB.khá	
108	Nguyễn Thế	Đông	BĐ	D	8	9	7	6	8	6	5	7.38	Khá	
109	Vương Vũ	Hải	BĐ	D	7	8	8	8	8	5	6	7.14	Khá	
110	Nguyễn Phi	Hạnh	BĐ	D	5	8	8	6	8	5	6	6.48	TB.khá	LT, Tuyển
111	Mai Thanh	Mạnh	BĐ	D	5	10	9	8	8	6	7	7.48	Khá	
112	Nguyễn Hữu	Nhật	BĐ	D	5	9	8	8	7	5	5	6.71	TB.khá	
113	Lê Nam Hoàng	Quân	BĐ	D	9	10	7	7	10	7	6	8.38	Giỏi	LP
114	Phạm Tấn	Tài	BĐ	D	5	5	5	6	7	5	6	5.38	Trung bình	Tuyển thẳng
115	Huỳnh Công	Thanh	BĐ	D	5	8	8	6	7	7	6	6.67	TB.khá	
116	Lê Văn	Tiếng	BĐ	D	5	10	7	8	8	7	6	7.33	Khá	
117	Trần Mạnh	Tín	BĐ	D	6	9	8	6	9	8	6	7.48	Khá	
118	Trần Văn	Trung	BĐ	D	7	9	8	6	9	7	7	7.67	Khá	
119	Phạm Xuân	Trường	BĐ	D	8	8	5	7	7	6	7	7.14	Khá	
120	Nguyễn Thanh	Tuấn	BĐ	D	8	8	7	7	8	7	7	7.57	Khá	
121	Phạm Nguyễn Khánh	Vũ	BĐ	D	5	8	7	9	9	6	7	7.00	Khá	
122	Đỗ Văn Vương	Vũ	BĐ	D	7	8	7	7	8	8	7	7.48	Khá	
123	Hoàng Đức	Tân	BĐ	D	7	6	8	5	9	6	5	6.52	TB.khá	TL
124	Nguyễn Thái	Sơn	BL	E	7	9	5	7	6	5	7	6.90	TB.khá	591-18/09/0
125	Cao Quảng Hoàng	Anh	BL	E	5	8	7	8	8	7	6	6.86	TB.khá	
126	Hoàng Quảng Mĩ	Điệp	BL	E	6	8	9	7	9	8	6	7.43	Khá	
127	Trần Tuấn	Dũng	BL	E	6	9	6	7	7	5	5	6.67	TB.khá	Tuyển thẳng

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
128	Nguyễn Thị	Dương	BL	E	5	9	6	7	7	7	6	6.81	TB.khá	Tuyển thẳng
129	Nguyễn Tiến	Hạ	BL	E	5	8	7	8	9	6	6	6.81	TB.khá	LP
130	Lâm Quang	Hào	BL	E	8	7	8	7	9	6	6	7.29	Khá	
131	Nguyễn Minh	Hiếu	BL	E	7	9	7	7	9	5	6	7.29	Khá	
132	Lê Thị	Hoà	BL	E	10	9	7	6	7	8	7	8.24	Giỏi	
133	Nguyễn Văn	HồngA	BL	E	5	6	6	7	6	7	5	5.90	Trung bình	
134	Nguyễn Văn	HồngB	BL	E	5	7	7	6	8	8	6	6.57	TB.khá	
135	Võ Thị	Hồng	BL	E	5	8	5	6	7	6	6	6.24	TB.khá	
136	Phạm Thị	Hồng	BL	E	7	8	7	7	8	7	7	7.33	Khá	Tuyển thẳng
137	Phạm Thị	Huyền	BL	E	9	9	7	9	7	5	7	7.86	Khá	LP, Tuyển
138	Phạm Thị	Huyền	BL	E	6	8	6	6	8	8	7	7.05	Khá	Tuyển thẳng
139	Hoàng Minh	Khánh	BL	E	6	9	8	7	9	7	6	7.43	Khá	LT, Tuyển
140	Lại Thế	Kiên	BL	E	7	6	6	5	7	5	5	6.00	TB.khá	
141	Nguyễn Phi	Long	BL	E	8	7	7	6	7	6	6	6.90	TB.khá	
142	Bùi Thăng	Long	BL	E	5	8	8	8	9	6	7	7.00	Khá	
143	Cao Thái	Ngọc	BL	E	5	8	6	6	9	6	7	6.62	TB.khá	
144	Đặng Vĩnh	Phú	BL	E	6	7	9	7	8	6	7	6.90	TB.khá	
145	Nguyễn Văn	Quý	BL	E	8	8	6	7	7	9	7	7.67	Khá	
146	Võ Trọng	Quý	BL	E	8	7	7	7	7	5	7	6.95	TB.khá	
147	Lê Thị	Sen	BL	E	5	9	6	6	8	6	5	6.57	TB.khá	Tuyển thẳng
148	Trương Công	Toả	BL	E	5	7	6	6	7	7	6	6.24	TB.khá	
149	Hoàng Đình	Trọng	BL	E	8	7	5	7	7	6	6	6.81	TB.khá	
150	Đình Minh	Tuấn	BL	E	8	5	5	8	7	6	5	6.33	TB.khá	
151	Nguyễn Văn Quốc	Tuấn	BL	E	6	7	7	7	7	5	5	6.29	TB.khá	Tuyển thẳng
152	Hoàng Văn	Phương	BB	F	6	8	8	5	7	5	7	6.62	TB.khá	QD24-11/01
153	Trần Hữu	An	BC	F	7	5	8	6	6	7	5	6.24	TB.khá	

STT	Họ và tên		CS	Lớp	AVăn2	TTCN2	ĐK2	TDục2	ĐCầu	Triết2	T.Việt	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
					5	5	2	2	2	3	2	21		
154	Nguyễn Hữu	Chiến	BC	F	7	5	6	7	6	7	6	6.24	TB.khá	
155	Phan Thị	Cử	BC	F	5	7	7	7	8	7	7	6.62	TB.khá	CNTB-17
156	Lê Ngân Phương	Hằng	BC	F	7	6	8	7	9	7	6	6.95	TB.khá	CNTB-16
157	Bùi Thị	Hằng	BC	F	8	5	8	7	9	5	6	6.67	TB.khá	LP,Tuyển
158	Phạm Đức	Hoà	BC	F	9	8	8	8	8	7	6	7.90	Khá	CBB
159	Nguyễn Hữu	Minh	BC	F	8	5	8	8	8	6	6	6.81	TB.khá	
160	Lê Hoài	Nam	BC	F	10	6	8	7	8	8	7	7.81	Khá	
161	Nguyễn Đại	Nghĩa	BC	F	7	6	7	9	10	9	7	7.52	Khá	CBB
162	Trần	Ngọc	BC	F	9	8	7	6	9	7	6	7.71	Khá	
163	Hoàng Văn	Nhật	BC	F	5	8	5	6	7	5	8	6.29	TB.khá	
164	Đặng Quang	Niệm	BC	F	9	7	7	7	9	8	7	7.81	Khá	
165	Lê Anh	Quân	BC	F	8	7	8	8	9	7	6	7.52	Khá	LP
166	Nguyễn Hồng	Quang	BC	F	7	8	6	7	10	9	6	7.62	Khá	LT
167	Đào Ngọc	Quang	BC	F	8	7	7	9	9	10	6	7.95	Khá	
168	Lê Văn	Sơn	BC	F	8	6	9	7	8	9	6	7.48	Khá	
169	Nguyễn Đăng	Tám	BC	F	5	8	7	6	8	6	6	6.52	TB.khá	
170	Nguyễn Quang	Tâm	BC	F	7	8	8	8	7	5	6	7.05	Khá	
171	Nguyễn Văn	Thắng	BC	F	8	7	7	9	8	8	6	7.57	Khá	
172	Phan Tùng	Thiện	BC	F	8	5	8	5	8	7	6	6.67	TB.khá	Tuyển thẳng
173	Nguyễn Thị	Thúy	BC	F	5	7	7	8	8	7	6	6.62	TB.khá	
174	Phạm Đức	Toàn	BC	F	7	5	6	5	8	6	5	6.00	TB.khá	
175	Phạm Nguyên	Trang	BC	F	6	7	7	6	9	8	5	6.81	TB.khá	
176	Nguyễn Văn	Tùng	BC	F	5	7	7	6	8	5	5	6.05	TB.khá	
177	Lương Tuấn	Việt	BC	F	9	6	7	9	7	8	5	7.38	Khá	
178	Nguyễn Chí	Linh	CV	F	7	8	5	7	5	6	8	6.81	TB.khá	

Nguyễn Tùng